TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2022/QĐST – DS.	*N, ngày 29 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 76/2021/TLST – DS ngày 26 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1.**Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình H; sinh năm 1987; địa chỉ: Số V, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Đồng bị đơn: Anh Đỗ Văn Th; sinh năm 1963; chị Trần Thị T, sinh năm 1974;

Cùng trú tại: Tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về việc thanh toán tiền*:

Ngày 26/01/2021 anh Phạm Đình H cho anh Đỗ Văn Th và chị Trần Thị T vay số tiền 1.500.000.000đ (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*), anh Th, chị T đã trả cho anh H được 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và đã trả lãi theo tháng, theo mức lãi 12%/năm, đã trả lãi đến ngày 31/10/2021. Nay anh Th và chị T còn nợ lại anh H 1.300.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm triệu đồng*) và nợ lãi tính từ tháng 11/2021 đến hết tháng 02/2023 là 182.000.000đ (*Một trăm tám mươi hai triệu đồng*); tổng cả nợ gốc và lãi là 1.482.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu đồng*). Vì vợ chồng anh Th, chị T ly hôn nên anh Phạm Đình H, anh Đỗ Văn Th đồng ý để chị Trần Thị T đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho anh H số

tiền nợ gốc và lãi là 1.482.000.000đ (*Một tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu đồng*); thời gian chị Trần Thị T phải trả tiền cho anh Phạm Đình H vào ngày 28/02/2023.

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Phạm Đình H với chị Trần Thị T: Nếu chị Trần Thị T chậm trả tiền cho anh Phạm Đình H theo thời gian xác định trên thì phải trả lãi 12%/năm/số tiền nợ gốc chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

-*Về án phí*: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Trần Thị T chịu trách nhiệm nộp 28.230.000đ (*Hai mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Anh Phạm Đình H được nhận lại 26.557.000đ (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002842 ngày 26/5/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
-VKSND huyện;
- THADS huyện;
-Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo